Mẫu 02

BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Phòng khám Đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu.

2. Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh - Tổ 22 - phường Đông Phong -Thành phố Lai Châu - tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 02133.792.757 Email: phongkhamdakhoacdclc@gmail.com

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức[1]: Phòng khám đa khoa tùy tình hình thực tế tại Phòng khám, số lượng cán bộ đơn vị sẽ điều tiết tại các khoa phòng khác cho phù hợp với nhu cầu chuyên môn tại Phòng khám.

2. Cơ cấu tổ chức[2]:

* Các khoa phòng trực tiếp tham gia công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa.

- Phòng khám đa khoa.
- Khoa Dược vật tư y tế.
- Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng.

* Các khoa có cán bộ kiêm nghiệm công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa.

- Khoa Sức khỏe sinh sản.
- Khoa Dinh dưỡng.
- Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm.
- Khoa Phòng chống bệnh Truyền nhiễm.

- Khoa Phòng chống HIV/AIDS.

- Khoa Sức khỏe môi trường - Y tế trường học - Bệnh nghề nghiệp.

III. NHÂN SỰ:

1. Danh sách trưởng khoa, phụ trách phòng, bộ phận chuyên môn:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Tên khoa, phòng, bộ phận chuyên môn	Vị trí, chức danh được bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Huệ	000544/LCH-CCHN	Bác sỹ CKI chuyên ngành Da liễu	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Phòng khám đa khoa	Trưởng phòng khám – Được giao chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại phòng khá đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu

2. Danh sách người hành nghề:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
I	**Phòng khám Nhi**				
1	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	000683/LCH-CCHN	Bác sỹ chuyên khoa I Nhi khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB chuyên khoa I Nhi khoa

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
2	Phạm Thị Phượng	000709/LCH-CCHN	Điều dưỡng trung học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Điều dưỡng tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
II	**Phòng khám Nội**				
3	Nguyễn Thị Thanh	000993/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB nội khoa
4	Đoàn Mạnh Hùng	000986/LCH-CCHN	Bác sỹ chuyên khoa 1 Nội	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB nội khoa
5	Nguyễn Thị Hiệp	000213/LCH-CCHN	Bác sỹ Y khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB nội khoa, Điện tim
6	Nguyễn Thị Thắm	000994/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB nội khoa, Điện tim
7	Hoàng Thu Hà	000763/LCH-	Điều dưỡng trung	Từ thứ 2 đến thứ 6	Điều dưỡng tiếp đón, cấp cứu, chăm sóc bệnh

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
		CCHN	cấp	- Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
8	Nguyễn Thị Linh	0001825/LCH-CCHN	Điều dưỡng trung cấp	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Điều dưỡng tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
III	**Phòng khám Sản phụ khoa - KHHGĐ**				
9	Toán Thị Châm	001682/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, BS chuyên I Sản	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB, thủ thuật sản phụ khoa - KHHGĐ
10	Lâm Thị Phương Thảo	0001503/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB, thủ thuật sản phụ khoa - KHHGĐ
11	Vũ Thị Hồng Na	0001496/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB, thủ thuật sản phụ khoa - KHHGĐ
12	Trần Lệ Nhung	000671/ LCH-CCHN	CNĐD Chuyên ngành phụ sản	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h	Nữ hộ sinh tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, làm thủ thuật phụ giúp bác sỹ khám sản phụ khoa

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
				- Chiều: 13h30p - 17h	- KHHGĐ
13	Nguyễn Thị Minh	000670/LCH-CCHN	Hộ sinh trung học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Nữ hộ sinh tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, làm thủ thuật phụ giúp bác sỹ khám sản phụ khoa - KHHGĐ
IV	**Phòng khám Phong, da liễu, hoa liễu**				
14	Nguyễn Thị Huệ	000544/LCH-CCHN	Bác sỹ CKI chuyên ngành Da liễu	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ chuyên khoa I chuyên ngành Da liễu KBCB, làm thủ thuật phong, da liễu, hoa liễu
15	Nguyễn Thi Thủy	0002155/ LCH-CCHN	Bác sỹ CKI chuyên ngành Da liễu	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ chuyên khoa I chuyên ngành Da liễu KBCB, làm thủ thuật phong, da liễu, hoa liễu
16	Lê Thị Hường	001679/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, Chứng chỉ CKĐH Da liễu	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ chuyên khoa định hướng Da liễu KBCB, làm thủ thuật phong, da liễu, hoa liễu
17	Võ Thị Luyến	000968/LCH-CCHN	Điều dưỡng trung học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h	Điều dưỡng tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB, làm thủ thuật phong, da liễu, hoa liễu

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
				- Chiều: 13h30p - 17h	
V	**Phòng khám Mắt**				
18	Phan Thị Thu Hương	000022/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, CK định hướng Mắt	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB chuyên khoa định hướng mắt và làm thủ thuật các bệnh về mắt, đọc lưu huyết não
19	Vũ Thị Phượng	000493/LCH-CCHN	Điều dưỡng đa khoa, CK Mắt	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Điều dưỡng chuyên khoa mắt tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB và làm thủ thuật các bệnh về mắt
20	Nguyễn Thị Bảy	000034/LCH-CCHN	Y sỹ định hướng YHCT, CK Mắt	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Y sỹ , điều dưỡng chuyên khoa mắt tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB và làm thủ thuật các bệnh về mắt
VI	**Phòng khám tâm thần**				
21	Phan Thị Hương	001602/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, GCN định hướng chuyên khoa tâm thần	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ chuyên khoa định hướng Tâm thần KBCB. Làm và đọc lưu huyết não, điện não đồ
22	Nguyễn Gia Bắc	0002158/LCH-	Bác sỹ chuyên	Từ thứ 2 đến thứ 6	Bác sỹ chuyên khoa định hướng Tâm thần

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
		CCHN	khoa Định hướng Tâm thần	- Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	KBCB
23	Trần Thị Hiền	000498/LCH-CCHN	Y sỹ CKĐH Tâm thần	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Y sỹ CKĐH tâm thần tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB. Làm điện tim, đo loãng xương.
VII	**Phòng khám Ngoại**				
24	Nguyễn Thị Thu Hà	001655/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB ngoại khoa
25	Vũ Thế Duẩn	000530/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Điều dưỡng tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
VIII	**Phòng khám Răng hàm mặt**				
26	Bùi Thị Kim Cúc	0001429/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB Răng hàm mặt

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
27	Vũ Minh Thắng	000517/LCH-CCHN	Điều dưỡng viên	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Điều dưỡng tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
IX	**Phòng khám Tai mũi họng**				
28	Phạm Thị Soạn	001541/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ KBCB, nội soi Tai mũi họng
29	Đặng Thị Yến	0001904/LCH-CCHN	Y sỹ y học cổ truyền	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Y sỹ tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân, phụ giúp bác sỹ KBCB
X	**Bộ phận Xét nghiệm**				
30	Trần Đức Tình	000528/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, Chứng nhận xét nghiệm HIV bằng kỹ thuật huyết thanh học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ đa khoa phụ trách công tác xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh - Trưởng khoa
31	Bùi Thị Thuỷ	000543/LCH-	Kỹ thuật viên xét	Từ thứ 2 đến thứ 6	Kỹ thuật viên thực hiện các kỹ thuật xét

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
		CCHN	nghiệm	- Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	nghiệm
32	Nguyễn Văn Trung	000547/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Kỹ thuật viên thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm
33	Phạm Hải Yến	001681/LCH-CCHN	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Cao đẳng thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm
34	Nguyễn Thị Dung	0001454/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Kỹ thuật viên thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm
XI	**Bộ phận chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng**				
35	Nguyễn Thị Thanh Thương	0002146/LCH-CCHN	Bác sỹ đa khoa, GCN siêu âm chẩn đoán	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Bác sỹ đa khoa siêu âm
36	Đỗ Thị Mỹ	000540/LCH-	Y sỹ CKĐH Tâm	Từ thứ 2 đến thứ 6	Y sỹ CKĐH Tâm thần tiếp đón, phụ giúp bác sỹ KBCB, Điện tâm đồ, Lưu huyết não, Đo

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
		CCHN	thần	- Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	loãng xương
37	Đinh Thị Thanh	0002165/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên PHCN, GCN Định hướng Tâm thần	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Kỹ thuật viên tiếp đón, phụ giúp bác sỹ KBCB, thực hiện các trắc nghiệm tâm lý
XII	**Bộ phận dược**				
38	Nguyễn Thị Dung		Dược sỹ trung học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Phụ trách công tác dược cung ứng, thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao
39	Trần Đình Trung		Dược sỹ ĐH	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khoa Dược,Cấp phát thuốc BHYT
40	Nguyễn Thị Hoa		Dược sỹ trung học	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khoa Dược,Cấp phát thuốc BHYT

3. Danh sách người làm việc:

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí làm việc[3]
1	Chu Thị Hiền	ĐHKT	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Kế toán viện phí
2	Phan Việt Hằng	ĐHKT	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Kế toán viện phí
3	Phạm Thị Hồng Gấm	Hộ lý	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Hộ lý
4	Nguyễn Thị Huyền	Hộ lý	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Hộ lý
5	Lê Thị Thái	Hộ lý	Từ thứ 2 đến thứ 6 - Sáng : 7h30p - 12h - Chiều: 13h30p - 17h	Hộ lý

IV. THIẾT BỊ Y TẾ:

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
1	Đèn soi đáy mắt bằng pin	BXα	NEITZ	Japan	2011	1	15,00	
2	Đèn soi đáy mắt (dùng điện lưới)	Beta 200S	HEINE	Đức	2014	1	30,00	
3	Đèn soi bóng đồng tử	Beta 200	HEINE	Đức	2014	1	30,00	
4	Đèn soi đáy mắt dùng pin	Z10005	NEITZ	Japan	2015	1	42,50	
5	Bộ dụng cụ đại phẫu(mổ mắt)		Rumex	Mỹ	2014	1	42,50	
6	Máy đo khúc xạ(bàn khám mắt, ghế khám chuyên khoa)		NIDEK	Japan	2014	1	42,50	
7	Hệ thống Phaco lạnh	SOVEREIGN COMPACTWHITESTARICE	AMO	Mỹ	2012	1	15,00	
	Máy mổ Phaco Soveregn compactwhitestarice		AMO	Mỹ				
	Bộ dụng cụ vi phẫu mổ mắt		Rumex	Mỹ				
	Máy siêu âm A	PACSCAN 300A	Sonomed	Mỹ				

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
	Kính hiển vi phẫu thuật	OM - 5	TAKACI	Nhật Bản				
	Đèn khe phóng đại 5 bước	L-0189	INAMI	Nhật Bản				
	Nồi hấp tiệt trùng	SA-232	STURDY	TaiWan				
	Bàn mổ nhãn khoa	APPA Operationtble	APPASAMY	Ấn Độ				
8	Bộ thử kính 160 cặp kính			Trung Quốc	2015	1	42,50	
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật mộng mắt		Rumex	Mỹ	2017	1	67,50	
10	Kính Volk Digital Wide	VDGTLWF	Volk	Mỹ	2018	1	80,00	
11	Handpiece hãng Geuder AG/ Đức	G-24330	Geuder	Đức	2018	1	80,00	
12	Máy đo độ cong giác mạc	JVL/1	CSO	Italy	2018	1	80,00	
13	Bộ thông lệ đạo	E40-860	PMS	Đức	2018	1	80,00	
14	Kim thông lệ đạo	E20-642	PMS	Đức	2018	1	80,00	
15	Panh xé bao	E30-583	PMS	Đức	2018	1	80,00	

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LAI CHÂU

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
16	Máy sinh hiển vi khám mắt SL 203	SL.203		Nhật Bản	2007	1	5,00	
17	Máy hút khói Smoke TK 2000	TK 2000 Super		Việt Nam	2011	1	15,00	
18	Máy đốt Laser CO2	KC01-06/2MTC Super	Lasermet	Việt Nam	2011	1	15,00	
19	Máy Siêu Âm mầu 4D kỹ thuật số	MIRRORZHD	LandWind	China	2015	1	42,50	
20	Đầu dò khám tim và phần mềm chuyên dụng cho đầu dò	MIRRORZHD	LandWind	China	2016	1	55,00	
21	Máy Điện tim 6 kênh	FX 7202	FUKDA	Japan	2010	1	10,00	
22	Máy Siêu âm màn hình AL-0A-SSD	SSD500	ALOKA	Japan	2008	1	10,00	
	Đầu dò 3,5MHZ							
	Máy in ảnh Sony							
23	Bộ Soi Tử Cung	JH - 5003	JAHUA	China	2014	1	30,00	
24	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Uritest - 150	Uritest	Trung Quốc	2010	1	10,00	
25	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18	CELLTAC	NIHON	Nhật Bản	2013	1	30,00	

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
	thông số	ALPHA-MEK 6420 J/K series	KOHDEN					
26	Máy xét nghiệm nước tiểu URITEK TC-101 tự động	URITEK TC-101	TECO	Mỹ	2014	1	42,50	
27	Máy phân tích nước tiểu	UA-100		Belgium	2013	1	42,50	
28	Máy li tâm HETTICH	D-78532 TUTTLINGEN	GERMALY	Đức	2011	1	15,00	
29	Máy Ly tâm	PLC – 05		Đài Loan	2010	1	10,00	
30	Máy lắc máu	KJRMII	ROLIMIX	Trung Quốc	2014	1	42,50	
31	Máy siêu âm màu 4D	SONOACE R7	Sam sung	Hàn Quốc	2018	1	80,00	
32	Máy siêu âm màu 4D	UF-760AG		Nhật Bản	2013	1	17,50	
33	Máy đo loãng xương siêu âm	SONOST 3000	OsteoSys	Hàn Quốc	2011	1	15,00	
34	Kính hiển vi MICROS	AC 220V50HZ MC300A	AUSTRIA	AUSTRIA	2004	1	5,00	
35	Kính hiển vi OLYMPUS	CX21FS1 100-	CHINA	China	2005	1	5,00	

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LAI CHÂU

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
		120/220-240						
36	Điện não đồ	GVV227-B	Neurosoft	Russia	2018	1	80,00	
37	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	CLINITEK Status	SIEMNS	Nhật Bản	2010	1	10,00	
38	Máy sinh hóa bán tự động	LW BIOOC	LANDWIND	Trung Quốc	2014	1	30,00	
39	Máy elisa(Máy đọc)	LW R96	LANDWIND	Trung Quốc	2013	1	17,50	
40	Máy elisa(Máy rửa)	LW R12	LANDWIND	Trung Quốc	2013	1	17,50	
41	Máy sinh hóa tự động 400 tet	GS 400	GENIUS	Trung Quốc	2013	1	17,50	
42	Máy chụp và phân tích da	Magic Mirror Skin Analyzer	Lang Di	China	2019	1	100,00	
43	Máy đo huyết áp bắp tay	BP868F	AMPALL	Hàn Quốc	2019	1	100,00	
44	Máy soi cổ tử cung	LC - 9100C	Lianchuang	Trung Quốc	2019	1	100,00	

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
45	Hệ thống áp lạnh cổ tử cung	CR-201	Toitu	Nhật Bản	2019	1	100,00	
46	Máy đốt cổ tử cung	ZEUS 80	ZERONE	Hàn Quốc	2019	1	100,00	
47	Máy kiểm tra thị lực điện tử (Hàn Quốc) - CBM			Korea	2019	1	100,00	
48	Máy nội soi Tai mũi họng	XLC200/LS600	Medtrix/Việt Nam	Việt Nam	2020	1	100,00	
49	Máy xông khí dung	NE-C900	Omron - Nhật Bản	Trung Quốc	2020	1	100,00	
50	Máy hút dịch 1 bình	7E-B	Yuwell/Trung Quốc	Trung Quốc	2020	1	100,00	
51	Danh mục vật tư khám Tai mũi họng		Prime Tech Surgico	Pakistan	2020	1	100,00	
52	Máy phân tích huyết học.>_ 19 thông số	MEK - 6510K	Nihon Kohden/Nhật Bản	Nhật Bản	2020	1	100,00	
53	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	TZ 120	Sanghai Guangzheng	Trung Quốc	2020	2	100,00	

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LAI CHÂU

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
			Medical Equipment					
54	Bộ khám Tai mũi họng		Prime Tech Surgico	Pakistan	2020	2	100,00	
55	Huyết áp kế điện tử	A2Basic	Microlife	Thụy sỹ	2020	2	100,00	
56	Huyết áp cơ	ALPK2	Tanaka Sangyo	Nhật Bản	2020	2	100,00	
57	Huyết áp thủy ngân	ALPK2	Tanaka Sangyo	Nhật Bản	2020	1	100,00	
58	Bút soi mắt		Camelion	Đức	2020	2	100,00	
59	Máy chữa răng lưu động: JY-208A-Foshan Jlayu Medical (TQ)	JY-208A	Foshan Jlayu Medical	China	2016	1	55,00	
60	Thiết bị khoan răng di động (Hàn Quốc)	MARATHON-3		Hàn Quốc	2011	2	15,00	
61	Thiết bị lấy cao răng	ART-M1(25K)		Taiwan	2013	1	17,50	
62	Đèn hàn Composite			Taiwan	2013	1	17,50	

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)	Ghi chú
63	Bộ kìm nhổ răng trẻ em				2004	2	5,00	
64	Bộ khám răng				2006	2	5,00	
65	Súng bắn Composite				2013	1	17,50	
66	Bộ khám ngũ quan			Genmany	2013	1	17,50	
67	Máy đo thính lực	MA 30	MAICO	Đức	2011	1	15,00	
68	Máy đo chức năng hô hấp (Hô hấp kế)	HI-801	Chest M.L.,Lnc	Nhật Bản	2011	1	15,00	
69	Máy Real-time PCR Rotor-Gene Q MDX 5 plex HRM Platform	Rotor-Gene Q MDx	Qiagen	Malaysia	2021	1	100,00	

V. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. Tổng diện tích mặt bằng: 2.945,3 m^2

2. Tổng diện tích xây dựng: 395 m^2. diện tích ..... m^2/giường bệnh.

3. Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp III: 3 tầng. Nhà cấp IV: 4 gian.

4. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

- Phòng khám số 1: Diện tích: 25,6m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)
- Phòng khám số 2: Diện tích: 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 3: Diện tích: 25,6m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 4: Diện tích: 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 5: Diện tích: 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 6: Diện tích: 16,8m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu xanh, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 7: Diện tích: 16,8m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu xanh, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 8: Diện tích: 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 9: Diện tích: 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 10: Diện tích: 25,6m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 11: Diện tích: 25,6m^2, 18,2m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 12: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 13: 18,6m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 14: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám số 15: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt, nền lát gạch men)

- Phòng cấp phát thuốc BHYT: 16,8 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu xanh có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng thủ thuật Mắt, Điện não đồ, Lưu huyết não: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng thủ thuật Da liễu: 16,8 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu xanh có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng thủ thuật Sản: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng Hấp sấy: 18,2 m^2 (trần sơn mầu trắng, tường màu cam nhạt có cả nát gạch men trắng, nền lát gạch men)

- Phòng khám, điều trị HIV/AIDS và điều trị nghiện chất: 46,2 (trần sơn mầu trắng, tường màu vàng lông gà con, nền lát gạch men).

5. Bố trí các khoa/chuyên khoa, phòng (liệt kê cụ thể):

Nhà D. Tầng 1:

- Phòng khám số 1: Phòng tiếp đón bệnh nhân, thu viện phí.
- Phòng khám số 2: Phòng khám Sản.
- Phòng thủ thuật Sản.
- Phòng khám số 3: Phòng khám nội tiết, rối loạn chuyển hóa.
- Phòng khám số 4: Phòng khám Nội.
- Phòng khám số 5: Phòng Cấp cứu, lưu bệnh nhân.
- Phòng khám số 6: Phòng Khám Mắt.
- Phòng thủ thuật Mắt, Điện não đồ, Lưu huyết não.
- Phòng khám số 7: Phòng khám Da liễu.
- Phòng thủ thuật Da liễu.
- Phòng cấp phát thuốc.
- Phòng khám số 13: Phòng khám Răng hàm mặt

Tầng 2:

- Phòng khám số 8: Phòng khám Tâm thần.
- Phòng khám số 9: Phòng khám Nhi
- Phòng khám số 10: Phòng Siêu âm, Điện tim.
- Phòng khám số 11: Phòng Xét nghiệm.
- Phòng khám số 12: Phòng khám Ngoại
- Phòng khám số 14: Phòng khám Tai mũi họng

Tầng 3:

- Phòng khám số 15: Phòng khám Bệnh nghề nghiệp
- Phòng Hấp sấy.

Nhà E. Tầng 1

- Phòng khám, điều trị HIV/AIDS và điều trị nghiện chất.

6. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

a) Xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải bề mặt được thu gom vào hệ thống xử lý công cộng.
- Nước thải Y tế được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải Y tế.

b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt:

- Rác thải sinh hoạt được thu gom vào hệ thống xử lý rác của công ty môi trường.
- Rác thải Y tế nguy hại được thu gom, bảo quản, xử lý tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu.

7. An toàn bức xạ: Không.

8. Hệ thống phụ trợ:

a) Phòng cháy chữa cháy: Tại các nhà, cầu thang và các phòng đều có bố trí bình cứu hỏa.

b) Khí y tế: Không.

c) Máy phát điện: Không.

d) Thông tin liên lạc:

+ Điện thoại: Mạng Vinaphone.

+ Internet: Mạng viettel.

9. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Nhà để xe, nhà kho.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LAI CHÂU

Phan Thị Thu Hương